

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Ngày 13/07/2025 / As at 13 Jul 2025

|   |                                                      |                                                                                                   |
|---|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Tên Công ty Quản lý Quỹ:<br>Fund Management Company: | Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam<br>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd                     |
| 2 | Tên Ngân hàng Giám sát:<br>Supervising bank:         | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam<br>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam |
| 3 | Tên Quỹ ETF:<br>Fund name:                           | Quỹ ETF KIM GROWTH VN30<br>KIM GROWTH VN30 ETF                                                    |
| 4 | Mã chứng khoán:<br>Code:                             | FUEKIV30<br>FUEKIV30                                                                              |
| 5 | Ngày lập báo cáo:<br>Reporting date:                 | 14/07/2025<br>14 Jul 2025                                                                         |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT<br>No | CHỈ TIÊU<br>Criteria                                     | Mã số<br>Code | KỲ NÀY<br>THIS PERIOD<br>13/07/2025 | KỲ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>10/07/2025 |
|-----------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 1         | Giá trị tài sản ròng / Net asset value                   |               |                                     |                                       |
| 1.1       | Của quỹ ETF/Per Fund                                     |               | 2.167.351.304.620                   | 2.133.966.827.241                     |
| 1.2       | Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate |               | 1.070.825.743                       | 1.054.331.436                         |
| 1.3       | Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate               |               | 10.708,25                           | 10.543,31                             |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát

Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

*Vũ Trí Thanh*

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

**Yun Hang Jin**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**